TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

***** Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Để**
2. Bà **Hồ Thị Hoa**

***** Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

***** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Bà **Lai Thị Ngọc Mãi** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Chúc A**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Ấp 8 X, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

***** Bị đơn: Anh **Trần Văn K1**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện A, tỉnh K.

(Chị A; Anh K1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Chúc A trình bày:***

Vào năm 2021, chị có chung sống với anh Trần Văn K1 (không có đăng ký kết hôn). Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách, không có tiếng nói chung, anh sống rất bảo thủ không nghe lời khuyên bảo của ai, thường xuyên xúc phạm cha mẹ vợ, chị lên tiếng thì vợ chồng xảy ra cự cãi. Tuy vậy, chị cũng cố gắng nhẫn nhịn để nuôi con nhưng tính tình anh vẫn không sửa đổi. Sau khi chị sinh con được hơn 10 ngày thì vợ chồng cải vã nên anh K1 bỏ về nhà cha mẹ ruột, từ đó đến nay anh K1 có đến thăm con nhưng không có thành ý hàn gắn với chị. Nhận thấy cuộc hôn nhân này không hạnh phúc nên chị đề nghị ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần Văn K1.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trần Lam A, sinh ngày 13/3/2022. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Theo tờ tường trình và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn K1 có ý kiến trình bày:**

Do có quen biết từ trước anh và chị Chúc A tiến tới hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Lam A, sinh ngày 13/3/2022. Trong quá trình chung sống anh và chị Chúc A không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Anh xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị Chúc A không có mâu thuẫn gì, chủ yếu là anh mâu thuẫn với gia đình bên vợ vì gia đình bên vợ không cho anh rước vợ về nhà sau khi sinh con. Chính vì nguyên nhân đó nên anh và vợ ly thân từ ngày 28/3/2022 đến nay.

Nay chị Chúc A yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý; về con chung anh đồng ý giao chị A nuôi dưỡng, anh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con do chị A không có yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị A, anh K1: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Chúc A và anh Trần Văn K1 xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 2021, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị Chúc A và anh Trần Văn K1 là vợ

chồng. Chị An và anh K1 xác định có 01 con chung là Trần Lam A, sinh ngày 13/3/2022. Chị A và anh K1 xác định, thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao con chung là Trần Lam A, sinh ngày 13/3/2022 cho chị A nuôi dưỡng, anh K1 không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh K1 xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Chúc A và bị đơn anh Trần Văn K1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Chúc A và anh Trần Văn K1 thống nhất trình bày hai anh, chị tiến đến hôn nhân vào năm 2021, không có đăng ký kết hôn. Mặc dù anh chị trình bày không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh chị đều xác định đã ly thân từ năm 2022 đến nay và nay anh chị cũng thống nhất ly hôn. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định chị A và anh K1 không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Chúc A và anh Trần Văn K1 xác định, thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao con chung là Trần Lam A, sinh ngày 13/3/2022 cho chị A nuôi dưỡng, anh K1 không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chị A và anh K1 thỏa thuận tiếp tục giao con chung là Trần Lam A, sinh ngày 13/3/2022 cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp. Bởi lẽ từ khi chị An và anh K1 ly thân cho đến nay, cháu Lam A do chị A nuôi dưỡng và hiện tại cháu Lam A dưới 36 tháng tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị An không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh K1 xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Chúc A và anh Trần Văn K1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Trần Lam A, sinh ngày 13/3/2022 cho chị A nuôi dưỡng, anh K1 không cấp dưỡng nuôi con do chị An không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh K1 xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Chúc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003380 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên được cấn trừ xem như chị A đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Trần Thị Chúc A, anh Trần Văn K1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU